

ĐỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND huyện)

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	TRONG ĐÓ											
			Chi quản lý hành chính nhà nước	Chi giáo dục và đào tạo	Chi y tế và dân số	Chi văn hóa thông tin - thể thao	Chi phát thanh truyền hình - thông tấn	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi đảm bảo xã hội	Chi an ninh- quốc phòng	Chi thường xuyên khác	Chi cải cách tiền lương	Chi dự phòng ngân sách
		399.063.675.000	49.244.650.000	228.242.753.000	45.896.211.000	4.225.109.000	1.450.337.000	155.000.000	23.986.944.000	17.604.875.000	12.880.796.000	2.000.000.000	-	13.377.000.000
1	Đài Truyền thanh - truyền hình huyện	1.450.337.000					1.450.337.000							
2	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện	3.825.109.000				3.825.109.000								
3	Nhà Thiếu Nhi	400.000.000				400.000.000								
4	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	2.487.831.000							2.487.831.000					
5	Trung tâm phát triển quỹ đất	1.278.713.000							1.278.713.000					
6	Phòng Kinh tế hạ tầng	21.113.602.000	1.859.602.000						19.254.000.000					
7	Phòng Tài Nguyên và Môi Trường	2.434.237.000	1.312.837.000					155.000.000	966.400.000					
8	Trung tâm y tế	17.786.211.000			17.786.211.000									
9	Bảo hiểm xã hội	28.110.000.000			28.110.000.000									
10	Kinh phí giáo dục (Các trường học)	221.703.404.000		221.703.404.000										
11	Phòng Lao động thương binh và xã hội	19.859.545.000	1.254.670.000	1.000.000.000						17.604.875.000				
12	Phòng Giáo dục & Đào tạo	4.393.641.000	1.537.101.000	2.856.540.000										
13	Phòng Nội vụ	3.911.007.000	3.811.007.000	100.000.000										
14	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	1.701.316.000		1.701.316.000										
15	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	881.493.000		881.493.000										
16	Văn phòng HĐND và UBND	8.874.929.000	8.874.929.000											
17	Phòng Tư pháp	727.241.000	727.241.000											
18	Thanh tra huyện	1.027.189.000	1.027.189.000											

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi quản lý hành chính nhà nước	Chi giáo dục và đào tạo	Chi y tế và dân số	Chi văn hóa thông tin- thể thao	Chi phát thanh truyền hình - thông tấn	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi đảm bảo xã hội	Chi an ninh- quốc phòng	Chi thường xuyên khác	Chi cải cách tiền lương	Chi dự phòng ngân sách
19	Phòng Văn hóa Thông tin	1.152.024.000	1.152.024.000											
20	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.653.130.000	1.653.130.000											
21	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.820.548.000	1.820.548.000											
22	Phòng Dân tộc	1.204.545.000	1.204.545.000											
23	Huyện ủy	11.835.773.000	11.835.773.000											
24	Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc	2.013.453.000	2.013.453.000											
25	Huyện đoàn	1.456.572.000	1.456.572.000											
26	Hội Liên hiệp Phụ nữ	1.052.974.000	1.052.974.000											
27	Hội Nông dân	1.190.996.000	1.190.996.000											
28	Quỹ hỗ trợ nông dân	500.000.000	500.000.000											
29	Hội cựu chiến binh	973.418.000	973.418.000											
30	Hội Chữ Thập Đỏ huyện	842.653.000	842.653.000											
31	Hội cựu thanh niên xung phong	409.469.000	409.469.000											
32	Hội Đông y	359.090.000	359.090.000											
33	Hội khuyến học	274.709.000	274.709.000											
34	Hội người cao tuổi	427.234.000	427.234.000											
35	Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin	364.299.000	364.299.000											
36	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	500.000.000	500.000.000											
37	Hội bảo trợ trẻ em nghèo và người tàn tật	455.350.000	455.350.000											
38	Hội người mù	353.837.000	353.837.000											
39	Công an huyện	1.632.937.000									1.632.937.000			

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi quản lý hành chính nhà nước	Chi giáo dục và đào tạo	Chi y tế và dân số	Chi văn hóa thông tin- thể thao	Chi phát thanh truyền hình - thông tấn	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi đảm bảo xã hội	Chi an ninh- quốc phòng	Chi thường xuyên khác	Chi cải cách tiền lương	Chi dự phòng ngân sách
40	Ban chỉ huy quân sự	11.247.859.000									11.247.859.000			
41	Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện	2.000.000.000										2.000.000.000		
42	Dự phòng ngân sách	13.377.000.000												13.377.000.000